

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

-Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện H: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên

Ngày 01/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 12/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DSST ngày 26/01/2024 giữa:

**Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: SN 02, Đường Lê Thanh Nghị, Tổ dân phố số 3, thị trấn Thắng, huyện H, tỉnh Bắc Giang

**Bị đơn:* Chị Lê Thanh Ng, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm V, thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

-Ông Trần Văn H, sinh năm 1964 (chồng bà Thủy) (vắng mặt)

Nơi cư trú: SN 02, Đường Lê Thanh Nghị, Tổ dân phố số 3, thị trấn Thắng, huyện H, tỉnh Bắc Giang

(Ông Hùng ủy quyền cho bà Thủy)

-Anh La Văn H, sinh năm 1974 (chồng chị Nga) (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm V, thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Th trình bày: Do có mối quan hệ quen biết là đồng nghiệp với nhau nên bà cho chị Lê Thanh Ng, sinh năm 1975 vay 5 lần, tổng số tiền là 225.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 9%/năm, không

ghi vào văn bản, các lần vay cụ thể là: Ngày 08/4/2012 âm lịch bà cho chị Nga vay số tiền 70.000.000 đồng; Ngày 07/5/2012 âm lịch bà cho chị Nga vay số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 25/7/2012 âm lịch bà cho chị Nga vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 20/8/2012 âm lịch bà cho chị Nga vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 25/8/2012 âm lịch bà cho chị Nga vay số tiền 25.000.000 đồng. Các mã vay đều có hẹn ngày trả, đối với mã vay ngày 08/4/2012 âm lịch thì bà xác định chị Nga đã trả lãi đến ngày 08/8/2012, còn các mã khác thì chị Nga chưa trả được ít lãi nào. Khi vay chị Nga nói vay để làm kinh doanh phát triển kinh tế gia đình. Bà xác định chữ ký “*Lê Thanh Ng*” tại các mục người vay tiền của các mã vay là do chị Nga ký và viết, còn chữ ký “*Ngô Thị Th. Hùng, Trần Văn H*” là do bà và chồng bà viết và ký. Bà xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà và nợ chung của vợ chồng chị Nga. Bà đã đòi nhiều lần từ cuối năm 2012 cho đến nay, nhưng chị Nga vẫn chưa trả được cho bà số tiền gốc và lãi nào. Bà xác định vợ chồng chị Nga còn nợ của vợ chồng bà số tiền gốc là 225.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu vợ chồng chị Nga phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 225.000.000 đồng, và tính lãi 9%/năm, tính từ ngày 20/8/2012 âm lịch (tức 05/10/2012 dương lịch) cho đến ngày xét xử. Bà đồng ý nhận sự ủy quyền của chồng tôi là ông Trần Văn H từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa bà Thủy có mặt và bà thay đổi thời gian tính lãi, bà yêu cầu tính lãi từ ngày 26/9/2012 âm lịch (tức 09/11/2012 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lên làm việc, chị Nga đã nhận được văn bản của Tòa án nhưng không lên Tòa án làm việc, từ chối trình bày ý kiến của mình mà chỉ trình bày qua điện thoại và từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa chị Nga và anh Hiện đều vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của bà Ngô Thị Th. Vì lý do công việc nên ông ủy quyền cho vợ ông là bà Ngô Thị Th tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án, mọi quyết định của bà Thủy là quyết định của ông.

Tại phiên tòa ông Hùng vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Th.

1. Buộc vợ chồng chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Ngô Thị Th và ông Trần Văn H số tiền gốc 225.000.000 đồng và lãi là 227.418.750 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 452.418.750 đồng (Bốn trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm mười tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)

2. Về án phí: Chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H phải chịu 22.096.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Bà Ngô Thị Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện H thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nga và anh Hiện đều vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H trả cho vợ chồng bà số tiền gốc còn nợ là 225.000.000 đồng, và tính lãi 9%/năm tính từ ngày 20/8/2012 âm lịch (tức 05/10/2012 dương lịch) cho đến ngày xét xử thì thấy: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ, xác định: Ngày 08/4/2012 âm lịch bà Thủy cho chị Nga vay số tiền 70.000.000 đồng, hạn ngày trả 08/4/2012; Ngày 07/5/2012 âm lịch bà Thủy cho chị Nga vay số tiền 30.000.000 đồng, hạn ngày trả 07/5/2012; Ngày 25/7/2012 âm lịch bà Thủy cho chị Nga vay số tiền 50.000.000 đồng, hạn ngày trả 25/8/2012; Ngày 20/8/2012 âm lịch bà Thủy cho chị Nga vay số tiền 50.000.000 đồng, hạn ngày trả 20/9/2012; Ngày 25/8/2012 âm lịch bà Thủy cho chị Nga vay số tiền 25.000.000 đồng, hạn ngày trả 25/9/2012. Các mã vay đều có hạn ngày trả. Phía người cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền và phía người vay đã nhận đủ tiền. Bà Thủy xác định chị Nga đã trả lãi của mã vay ngày 08/4/2012 âm lịch đến ngày 08/8/2012, còn các mã khác thì chị Nga chưa trả được tiền gốc và tiền lãi nào. Bà Thủy xác định chị Nga vay mục đích phát triển kinh tế gia đình. Bản thân chị Nga đã được Tòa án giao các văn bản của Tòa án hợp lệ nhưng chị Nga chỉ gọi điện nói qua điện thoại, không lên Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Như vậy, vợ chồng chị Nga và anh Hiện đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay bà

Thủy có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Nga và anh Hiện có nghĩa vụ phải trả 225.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi 9%/năm, tính từ ngày 26/9/2012 âm lịch (tức 09/11/2012 dương lịch) cho đến ngày xét xử là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Bà Thủy xác định là tài sản chung của vợ chồng bà và bà xác định bên vay tiền để phát triển kinh tế gia đình, phía bị đơn không lên Tòa án làm việc mặc dù đã được tổng đạt các văn bản hợp lệ. Do vậy, buộc vợ chồng chị Nga và anh Hiện phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Thủy và ông Hùng là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại giấy biên nhận vay tiền đều không ghi mức lãi, và các bên thỏa thuận trả lãi bằng miệng, có thời hạn trả nợ. Bà Thủy xác định chị Nga đã trả lãi của mã vay ngày 08/4/2012 âm lịch đến ngày 08/8/2012, còn các mã khác thì chị Nga chưa trả được ít lãi nào. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có thời hạn. Trong quá trình giải quyết bà Thủy yêu cầu tính lãi từ ngày 20/8/2012 âm lịch (tức 05/10/2012 dương lịch) cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa bà Thủy thay đổi thời gian tính lãi, bà yêu cầu tính lãi từ ngày 26/9/2012 âm lịch (tức 09/11/2012 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi 9%/năm, xét thấy mức lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thời gian tính lãi từ ngày 26/9/2012 âm lịch (tức 09/11/2012 dương lịch) cho đến ngày xét xử là 11 năm 2 tháng 23 ngày là 227.418.750 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Th được chấp nhận nên chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H phải chịu 22.096.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Thị Th được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Th.

Buộc vợ chồng chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Ngô Thị Th và ông Trần Văn H số tiền gốc 225.000.000 đồng

và lãi là 227.418.750 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 452.418.750 đồng (Bốn trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm mười tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Lê Thanh Ng và anh La Văn H phải chịu 22.096.750 đồng (Hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Ngô Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.193.750 đồng (Mười một triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai số 0003570 ngày 06/11/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

